

V/v tranh chấp ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

Tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự vẫn bảo lưu ý kiến như đã được trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông H và bà Y chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa các đương sự.

[2] Các đương sự có 02 người con chung, trong đó người con tên L đã trưởng thành, còn lại người con tên H1 (sinh năm 2009) có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bà Y được quyền tiếp tục nuôi cháu H1. Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông H cấp dưỡng nuôi người con tên H1 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp chậm thanh toán, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

[5] Các đương sự không có nợ chung, nên không xem xét.

[6] Ông H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Phần ông H tạm ứng án phí được khấu trừ.

[7] Các đương sự có mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không công nhận ông Lê Văn H và bà Lê Thị Y là vợ chồng.
2. Bà Y được quyền tiếp tục nuôi người con tên Lê Vũ H1, sinh ngày 17/02/2009 (giới tính: Nam). Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.
3. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con tên H1 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
4. Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông H không chịu thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên, thì hàng tháng, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng. Phần ông H nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005965 ngày 20/02/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ và phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế